

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HS-ST

Ngày: 27- 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Phước.

Ông Nguyễn Văn Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Kiều Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2021/TLST-HS, ngày 21 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1983 tại huyện C. Nơi cư trú: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (sống) và bà Trần Thị Th (sống); tiền án: không; tiền sự: 01, ngày 04/11/2020 bị Công an thị trấn C xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; vợ và con: không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/12/2020 cho đến nay “có mặt”.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Bà Trần Thị Th, sinh năm: 1960; cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là mẹ của bị cáo “có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thu T là Luật sư Công ty Luật TNHH MTV H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

- Bị hại:

Anh Phạm Văn D, sinh năm: 1978; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh “vắng mặt”.

Chị Lâm Thị H, sinh năm: 1984; cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “vắng mặt”.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lâm Thị H: Anh Phạm Văn D, sinh năm: 1978; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 02 năm 2021) “vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Anh N, sinh năm: 1964; cư trú tại: Khóm X, Phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh “vắng mặt”.

- *Người làm chứng:*

Ông Phạm Văn V, sinh năm: 1976; cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “vắng mặt”.

Anh Phạm Văn C, sinh năm: 1984; cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “vắng mặt”.

Chị Huỳnh Thị N, sinh năm: 1995; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “vắng mặt”.

Anh Nguyễn Thanh V; Cư trú tại: Khóm X, Phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 08/11/2020 Nguyễn Thanh Đ đi từ nhà thuộc ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng đến viếng đám tang tại ấp L, xã A, huyện C. Đến khoảng 20 giờ, thì Đ ra về, đi được khoản 150 mét tới lộ đal thì Đ thấy chiếc xe Honda wave RS, màu đỏ, biển kiểm soát 84K2 - 1045 của ông Phạm Văn D, thấy xe của anh D không khóa, đèn đồng hồ km đang sáng nên nảy sinh ý định trộm xe. Sau khi quan sát không có ai, Đ khởi động xe máy, lấy cái nón bảo hiểm màu tím đang treo trên xe mô tô gần đó, điều khiển xe chạy qua phà L để đi Sóc Trăng. Khi đến cây xăng thuộc khu vực xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, Đ mở cốp xe để đổ xăng thì thấy trong xe có cái bóp màu vàng, có một giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy, một giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của anh D. Khi đến thành phố S, Đ thuê nhà nghỉ ngủ qua đêm, đến sáng ngày 09/11/2020, Đ tiếp tục điều khiển xe đã trộm qua phà Đ đi qua tỉnh Trà Vinh, đi đến dịch vụ cầm đồ mua bán xe cũ và mới tên “Anh N” ở thành phố T. Tại đây Đ và chủ tiệm “Anh N” đã giao dịch đổi xe, Đ đổi chiếc xe trộm nhãn hiệu Honda wave RS, màu đỏ, biển kiểm soát 84K2 - 1045 để lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo 3, màu đỏ, biển kiểm soát 84P1 - 123.08 và 500.000 đồng với chủ tiệm xe “Anh N”. Sau khi đổi xe xong, Đ điều khiển xe Yamaha Nouvo 3 về đến xã A, huyện C, thì Đ vào nhà nghỉ Ngọc N nghỉ trưa, sau đó đi về nhà.

Đến 17 giờ ngày 17/11/2020, Đ kiểm tra thì phát hiện mất giấy phép lái xe của anh D nên quay lại nhà nghỉ Ngọc N xin lại giấy phép lái xe, thì bị Công an xã A, huyện C mời làm việc, Đ khai nhận toàn bộ hành vi trộm xe của anh D.

Tại Kết luận định giá số 13/2020/KL.HĐĐG ngày 62/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Cù Lao Dung, kết luận: tổng giá trị thiệt hại của vụ trộm cắp tài sản là 6.660.000 (sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Xét thấy Nguyễn Thanh Đ có dấu hiệu bị bệnh tâm thần. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã trưng cầu giám định sức khỏe tâm thần cho Nguyễn Thanh Đ. Tại Kết luận số 26/2021/KL.GĐ ngày 02/02/2021 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực T kết luận: về y học: trước, trong và sau khi phạm tội và hiện tại, đương sự có bệnh lý tâm thần, rối loạn loại phân liệt (F12 - ICD10); về năng lực: tại thời điểm phạm tội và hiện tại, đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bệnh lý tâm thần ở giai đoạn thuyên giảm.

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cù Lao Dung và Kết luận của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực T.

Về vật chứng trong vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã thu giữ một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo 3, màu đỏ, biển kiểm soát 84P1 - 123.08, một xe mô tô nhãn hiệu Honda wave RS, màu đỏ, biển kiểm soát 84K2 - 1045, một giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 00351, biển số đăng ký 84K2 - 1045 tên Lâm Thị H. Đối với cái bóp da màu vàng, một giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy, một giấy chứng minh nhân dân của anh D và mũ bảo hiểm màu tím, bị cáo không nhớ rõ bỏ ở đâu, nên không thu giữ được. Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản đã thu giữ được: trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda wave RS, màu đỏ, biển kiểm soát 84K2 - 1045, một giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 00351, biển số đăng ký 84K2 - 1045 tên Lâm Thị H cho ông Phạm Văn D và chị Lâm Thị H, trả lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo 3, màu đỏ, biển kiểm soát 84P1-123.08 cho ông Võ Anh N (chủ tiệm Anh N). Vật chứng trong vụ án đã được xử lý xong.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Phạm Văn D và Lâm Thị H không yêu cầu bị cáo bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Anh N yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí sửa chữa xe 2.100.000 đồng. Ngày 09/9/2021, bà Trần Thị Th đã nộp thay bị cáo Đ số tiền 2.100.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng để bồi thường cho ông N.

Tại Bản cáo trạng số 12/CT-VKS-CLD ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Nguyễn Thanh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung giữ nguyên quyết định truy tố về hành vi của bị cáo Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Võ Anh N số tiền 2.100.000 đồng.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất với nội dung Bản cáo trạng số 12/CT-VKS-CLD ngày 20/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung về tội danh và mức hình phạt đã nêu. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét nguyên nhân dẫn đến bị cáo phạm tội, bị cáo là người bị hạn chế chế năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo do ảnh hưởng tâm lý từ việc bị người bạn gái (chung sống như vợ chồng không có kết hôn) bỏ bị cáo do không có tiền, có xe, nên dẫn đến bị cáo có hành vi phạm tội. Ngoài ra, bị cáo có ý thức hối lỗi, bị cáo đã tự nguyện nộp đủ tiền bồi thường cho ông N là 2.100.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ xử phạt bị cáo với mức hình phạt thấp nhất.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị cáo: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo: thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt; bị cáo đã đồng ý và đề nghị mẹ là bà Trần Thị Thế nộp tiền để bồi thường tiền sửa chữa xe cho ông N 2.100.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị hại Phạm Văn D đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị hại Lâm Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Anh N, người làm chứng Phạm Văn C đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; người làm chứng Nguyễn Thanh V, Phạm Văn V, Huỳnh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền,

trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Nên đã có đủ cơ sở xác định: vào tối ngày 08/11/2020 bị cáo Đ đã lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave RS, màu đỏ, biển kiểm soát 84K2 - 1045 của anh D và chị H, giá trị tài sản 6.660.000 đồng.

[4] Xét bị cáo là công dân Việt Nam, có năng lực trách nhiệm hình sự đã cố ý lén lút lấy trộm tài sản hợp pháp của bị hại. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng số 12/CT-VKS-CLD ngày 20/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung truy tố bị cáo theo tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang cho người dân và gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý trách nhiệm của bị cáo trước pháp luật. Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ hình sự cho bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, nên cũng cần cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã tác động, đề nghị mẹ bị cáo nộp tiền bồi thường cho ông N số tiền 2.100.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, có bà nội Phan Thị N có công với cách mạng được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Nên bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, đề nghị mức hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đối với bị cáo Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét ý kiến của người bào chữa cho bị cáo thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo, ý kiến này phù hợp nên được Hội đồng

xét xử chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: bị hại anh D và chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không đặt ra xem xét. Đối với ông Võ Anh N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.100.000 đồng, bị cáo tự nguyện bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông N số tiền 2.100.000 đồng.

[11] Về án phí: bị cáo là người bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các điều 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thanh Đ phạm tội Trộm cắp tài sản.
2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Đ 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.
3. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Thanh Đ phải bồi thường cho ông Võ Anh N số tiền 2.100.000 (hai triệu, một trăm ngàn) đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả lãi cho người có quyền yêu cầu thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Tiếp tục quản lý số tiền 2.100.000 (hai triệu, một trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 009221 ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Về án phí: buộc bị cáo Nguyễn Thanh Đ phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày tuyên bản; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- CAND huyện Cù Lao Dung;
- Cơ quan THAHS huyện Cù Lao Dung;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan